CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRUNG NGHĨA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:02/CBNL TN V/v đề nghị đăng tải thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	*Tp. Đồng Nai, ngày 19 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: - Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai;
- Sở Xây dựng tỉnh/ thành phố …1

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) đã thực hiện tự công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên Trang thông tin điện tử của tổ chức tại địa chỉ: …2 .

- Đề nghị Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai, Sở Xây dựng tỉnh/ thành phố …1 tiếp nhận và đăng tải thông tin công bố công khai về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của *(Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)* trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

-(Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng) cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố (đính kèm Bản công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và các hồ sơ, tài liệu liên quan3)./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: …	**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRUNG NGHĨA** **Giám đốc** **Vũ Đình Cường**

---

1 Sở Xây dựng địa phương nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt trạm thí nghiệm hiện trường.

2 Đường link tổ chức công bố công khai thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

3 Đối với tổ chức đặt trạm thí nghiệm hiện trường trên địa bàn thành phố Đồng Nai, đề nghị liệt kê rõ danh mục phép thử, nhân sự, thiết bị được điều chuyển đến trạm thí nghiệm hiện trường.

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

STT	Số hiệu tiêu chuẩn	Tên tiêu chuẩn	Năm ban hành	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3*	*(4)*	*(5)*
I	**Danh mục tiêu chuẩn Việt Nam**			
1.	TCVN 4787:2009	lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử nghiệm cơ lý xi măng	2009	
2.	BS EN 196-7:2007	lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử nghiệm cơ lý xi măng	2008	
3.	TCVN 6016:2011	Xác định cường độ nén và uốn của xi măng	2011	
4.	TCVN 6017:2015	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích cơ lý xi măng	2015	
5.	TCVN 8875:2012	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích cơ lý xi măng	2012	
6.	TCVN 8877:2011	Xác định độ nở autoclave cơ lý xi măng	2011	
7.	TCVN 6068:2020	Xác định độ nở sunfat cơ lý xi măng	2020	
8.	TCVN 3105:2022	Lấy mẫu, chế tạo, bảo dưỡng mẫu thử hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2022	
9.	TCVN 3106:2022	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	2022	
10.	TCVN 3115:2022	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	2022	
11.	TCVN 3109:2022	Xác định độ tách vữa và độ tách nước	2022	
12.	TCVN 3119:2022	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	2022	
13.	TCVN 3113:2022	Xác định độ hút nước	2022	
14.	TCVN 3120:2022	Xác định cường độ kéo khi bửa	2022	
15.	TCVN 3110:1993	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông nặng	2022	
16.	TCVN 3112:2022	Xác định khối lượng riêng hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2022	
17.	TCVN 3115:2022	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2022	
18.	TCVN 3118:2022	Xác định giới hạn bền nén hỗn hợp bê tông và bê tông	2022	

		nặng		
19.	TCVN 3114:2022	Xác định độ mài mòn của bê tông	2022	
20.	TCVN 3117:2022	Xác định độ co ngót cứng hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2022	
21.	TCVN 9336:2012	Xác định hàm lượng sulphat trong bê tông	2012	
22.	TCVN 9339:2012	Bê tông và vữa xây dựng – Phương pháp xác định pH bằng máy đo pH	2012	
23.	TCVN 5726:2022	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	2022	
24.	TCVN 7572-1 : 2006	Lấy mẫu cát xây dựng	2006	
25.	TCVN 7572-2:2006	Xác định thành phần hạt Cốt liệu cho bê tông và vữa	2006	
26.	TCVN 7572-4:2006	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước cát xây dựng	2006	
27.	TCVN 7572-5:2006	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	2006	
28.	TCVN 10322:2014	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	2014	
29.	TCVN 7572-6:2006	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	2006	
30.	TCVN 7572-7:2006	Xác định độ ẩm cho bê tông và vữa	2006	
31.	ASTM C566 -2025	Xác định tổng hàm lượng ẩm bay hơi của cốt liệu bằng phương pháp sấy khô	2025	
32.	TCVN 7572-8:2006	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	2006	
33.	TCVN 7572-9:2006	Xác định tạp chất hữu cơ	2006	
34.	TCVN 7572-10: 2006	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	2006	
35.	TCVN 7572-11 : 2006	Xác định độ nén dập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	2006	
36.	TCVN 7572-12 : 2006	Xác định độ mài mòn khi va đạp của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	2006	
37.	TCVN 7572-13 : 2006	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	2006	
38.	TCVN 11807:2017	xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	2017	

39.	TCVN 7572-17 : 2006	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu phong hóa	2006	
40.	TCVN 7572-20 : 2006	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	2006	
41.	TCVN 7572-14:2006	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic của cốt liệu	2006	
42.	TCVN 7572-16:2006	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ.	2006	
43.	TCVN 7572-18:2006	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ cốt liệu bê tông và vữa	2006	
44.	TCVN 7572-15:2006	Xác định hàm lượng clorua	2006	
45.	TCVN 8859:2023	Xác định thành phần hạt của cấp phối đá dăm	2023	
46.	TCVN 14135-4:2024	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	2024	
47.	TCVN 197-1:2014	Thử kéo ở nhiệt độ phòng	2014	
48.	CVN 7937-1:2013	Thử kéo(Thanh, dây)	2013	
49.	TCVN 7937-2:2013	Thử kéo(lưới hàn)	2013	
50.	TCVN 7937-3:2013	Thử kéo(thép dự ứng lực)	2013	
51.	TCVN 198:2008	Thử uốn ở nhiệt độ phòng	2008	
52.	TCVN 1830:2008	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	2008	
53.	TCVN 9245:2024	Kiểm tra cọc ống thép	2024	
54.	TCVN 5401:2010	Thử kéo, uốn mối hàn kim loại	2010	
55.	TCVN 10952:2015	Thử kéo cáp dự ứng lực bọc epoxy từng sợi đơn	2015	
56.	TCVN 1824:1993	thử kéo dây kim loại	1993	
57.	TCVN 1916:1995	Thử kéo Bulông, vít, vít cấy và đai ốc	2008	
58.	TCVN 1825:08	Thử quấn, xoắn dây kim loại	2008	
59.	TCVN 5878:07	Xác định chiều dày lớp phủ - Phương pháp từ	2007	
60.	TCVN 13711-2:2023	Thử mối nối kéo thép bằng ống nối có ren - Coupler	2023	
61.	TCVN 314:08	Ống kim loại thử kéo vật liệu và kéo nguyên ống	2008	
62.	TCVN 1830:2008	Ống kim loại - thử nén bẹp	2008	
63.	TCVN 5891:2008	Ống kim loại - thử uốn nguyên ống	2008	
64.	TCVN 11372:2016	Kiểm tra chiều dày thép	2016	
65.	TCVN 6735:2018	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	2018	
66.	TCVN 1548:1987	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	2008	
67.	TCVN 4396:2018	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	2018	
68.	TCVN 8310 :2010	Thử phá hủy mối hàn kim loại	2010	

		- thử uốn, thử kéo ngang		
69.	TCVN 8311: 2010	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử uốn, thử kéo dọc	2010	
70.	TCVN 5401: 2010	hử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại – Thử uốn	2010	
71.	TCVN 8860-1:2011	Xác định Độ ổn định, độ dẻo Marshall	2011	
72.	TCVN 8860-2:2011	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	2011	
73.	TCVN 8860-3:2011	Xác định thành phần hạt bê tông nhựa	2011	
74.	TCVN 8860-4:2011	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	2011	
75.	TCVN 8860-5:2011	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	2011	
76.	TCVN 8860-6:2011	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa	2011	
77.	TCVN 8860-7:2011	Xác định độ góc cạnh của cát	2011	
78.	TCVN 8860-8:2011	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	2011	
79.	TCVN 8860-9:2011	Xác định dộ rỗng dư của bê tông nhựa	2011	
80.	TCVN 8860-10:2011	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	2011	
81.	TCVN 8860-11:2011	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	2011	
82.	TCVN 8860-12:2011	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	2011	
83.	TCVN 11807:2017	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	2011	
84.	TCVN 7495:2005	Đo độ kim lún nhựa đường	2008	
85.	TCVN 7496:2005	Độ kéo dài và độ kéo dài sau khi gia nhiệt của nhựa đường	2008	
86.	TCVN 7497:2005	Xác định điểm hóa mềm nhựa đường (Phương pháp vòng và bi)	2008	
87.	TCVN 7498:2005	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị cốc hở Cleveland	2008	
88.	TCVN 7499:2005	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng 163oC trong 5 giờ của nhựa đường	2008	
89.	TCVN 7501:2005	Xác định khối lượng riêng ở 25^0c(Phương pháp Pycnometer) của nhựa đường	2005	
90.	TCVN 7504:2005	Xác định độ dính bám đối với đá	2005	

91.	TCVN 8817-3:2011	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	2011	
92.	TCVN 3121-1:2022	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất của vữa xây dựng	2022	
93.	TCVN 3121-3:2022	Xác định độ lưu động của vữa tươi	2022	
94.	TCVN 3121-6:2022	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	2022	
95.	TCVN 3121-10:2022	Xác định khối lượng thể tích vữa đóng rắn	2022	
96.	TCVN 3121-11:2022	Xác định cường độ uốn - nén của vữa đóng rắn	2022	
97.	TCVN 3121-17:2022	Xác định hàm lượng ion clo hòa tan trong nước	2022	
98.	TCVN 3121-18:2022	Xác định độ hút nước vữa đã đóng rắn	2022	
99.	TCVN 4560:1988	Xác định hàm lượng cặn không tan (hóa nước trong xây dựng)	1989	
100.	TCVN 4506:2012	Xác định váng dầu mỡ và màu nước (hóa nước trong xây dựng)	2012	
101.	TCVN 6492:2011	Xác định độ PH (hóa nước trong xây dựng)	2008	
102.	TCVN 6194:1996	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl^-) (hóa nước trong xây dựng)	1996	
103.	TCVN 6200:1996	Xác định hàm lượng Sunfat (hóa nước trong xây dựng)	1996	
104.	TCVN 6186:1996	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	1996	
105.	TCVN 6186:1996	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	1996	
106.	TCVN 13068:2020	thí nghiệm chỉ tiêu cơ, lý, hóa trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường đối với dung dịch bentonite	2020	
107.	TCVN 11893:2017	thí nghiệm chỉ tiêu cơ, lý, hóa trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường đối với dung dịch bentonite	2017	
108.	TCVN 9395:12	kiểm soát chất lượng vật liệu, dung dịch giữ thành, bê tông, lồng thép và các phương pháp kiểm tra, nghiệm thu cọc khoan nhồi	2012	
109.	TCVN 8487:2010	xác định khả năng cho nước thấm vuông góc qua mặt	2010	

		phẳng của vải địa kỹ thuật		
110.	TCVN 8221:2009	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	2009	
111.	TCVN 8485:2010	Xác định cường độ bền chịu kéo, độ giãn dài vải địa	2010	
112.	TCVN 8871-2:2011	Xác định lực xé rách hình thang	2011	
113.	TCVN 8871-3:2011	Xác định lực xuyên thủng CBR- vải địa kỹ thuật	2011	
114.	TCVN 8871-4:2011	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh - vải địa kỹ thuật	2011	
115.	TCVN 8871-5:2011	Xác định áp lực kháng bục - vải địa kỹ thuật	2011	
116.	TCVN 8871-6:2011;	Xác định kích thước lỗ lọc - vải địa kỹ thuật	2011	
117.	TCVN 4195:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	2012	
118.	TCVN 4196:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	2012	
119.	TCVN 4197:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	2012	
120.	TCVN 4198:2014	Đất xây dựng - Phương pháp phân tích thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	2014	
121.	TCVN 4199:1995	Đất xây dựng – Phương pháp xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	1995	
122.	TCVN 4200:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm)	2012	
123.	TCVN 4201:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	2012	
124.	TCVN 4202:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	2012	
125.	TCVN 8726:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất trong phòng thí nghiệm	2012	
126.	TCVN 8727:2012	Đất xây dựng c – Phương pháp xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành	2012	

		phần muối hòa tan của đất trong phòng thí nghiệm		
127.	TCVN 8862:2011	xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	2011	
128.	TCVN 8723:2012	Đất xây dựng công trình thủy lợi – Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	2012	
129.	TCVN 9438:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	2012	
130.	TCVN 13906:2024	quy định tại Phụ lục B – Phương pháp xác định độ nở khi ngâm	2024	
131.	TCVN 2091:2015	Sơn, vecni và mực in – Xác định độ mịn	2015	
132.	TCVN 2095:1993	Sơn – Phương pháp xác định độ phủ	1993	
133.	TCVN 2096:1993	*Sơn - Phương pháp xác định thời gian khô và độ khô*	1993	
134.	TCVN 6476:1999	*Gạch bê tông tự chèn* kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	1999	
135.	TCVN 6477:2016	Kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp kiểm tra đối với gạch bê tông	2011	
136.	TCVN 6355-4:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 4: Xác định độ hút nước	2009	
137.	TCVN 7744:2013	Gạch Terazo - thực hiện các cơ lý	2013	
138.	TCVN 6355-3:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 3: Xác định cường độ uốn	2009	
139.	TCVN 5935:2013	Thực hiện các phép thử cơ lý đối với cáp điện	2013	
140.	TCVN 8090:2009	Dây trần dùng cho đường dây tải điện trên không – Dây trần có sợi định hình xoắn thành các lớp đồng tâm	2009	
141.	TCVN 12791:2020	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao đai.	2020	
142.	TCVN 8729:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất	2012	
143.	TCVN 8730:2012	Đất xây dựng – Phương pháp	2012	

		xác định độ chặt của đất sau đầm		
144.	22 TCN 346-06	Quy trình thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát.	2006	
145.	TCVN 8864:2011	Mặt đường – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét.	2011	
146.	TCVN 8861:2011	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	2011	
147.	TCVN 8867:2011	Áo đường mềm – Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman.	2011	
148.	TCVN 8866:2011	Mặt đường– Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát – Thử nghiệm.	2011	
149.	TCVN 9334:2012	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nẩy.	2012	
150.	TCVN 9335:2012	ên tiêu chuẩn: Bê tông nặng – Phương pháp thử không phá hủy – Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy.	2012	
151.	TCVN 13536:2022	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén.	2022	
152.	TCVN 13537:2022	Bê tông – Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật.	2022	
153.	TCVN 9356:2012	Kết cấu bê tông cốt thép – Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	2012	
154.	TCVN 9354:2012	Đất xây dựng – Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng.	2012	
155.	TCVN 8821:2011	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	2011	
156.	TCVN 9360:2012	xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học.	2012	

157.	TCVN 9393:2012	Cọc – Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.	2012	
158.	TCVN 11321:2016	Cọc – Phương pháp thử động biến dạng lớn	2016	
159.	TCVN 9344:2012	Kết cấu bê tông cốt thép – Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	2012	
160.	TCVN 9358:2012	Đo điện trở đất - chống sét cho công trình xây dựng, tiếp địa	2012	
161.	TCVN 5847:2016	Cột điện bê tông cốt thép ly tâm.	2016	
162.	TCVN 9360:2024	Công trình dân dụng và công nghiệp – Xác định độ lún bằng phương pháp đo cao hình học.	2024	
163.	TCVN 5879:2009	Thử không phá hủy – Phương tiện kiểm tra bằng mắt – Chọn kính phóng đại có độ phóng đại nhỏ.	2009	
164.	TCVN 7888:2014	Kiểm tra chất lượng cọc bê tông ly tâm ứng lực trước, bao gồm kiểm tra ngoại quan, kích thước hình học, cường độ bê tông và khả năng chịu uốn, chịu cắt của thân cọc.	2014	
165.	TCVN 9360:2012	xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học.	2012	
166.	TCVN 9349:2012	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng – Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền.	2012	
167.	TCVN 9491:2012	Bê tông – Xác định cường độ kéo bề mặt và cường độ bám dính bằng kéo trực tiếp	2012	
168.	TCVN 5408:2007	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	2007	
169.	TCVN 9406:2012	Sơn – Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô.	2012	
170.	TCVN 9399:2012	Nhà và công trình xây dựng – Xác định chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa.	2012	
171.	TCVN 12884-2:2020	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp	2020	

		đá trộn nhựa Thành phần hạt.Độ ẩm.Hệ số thích nước của bột khoáng.		
172.	22 TCN 58:1984	Quy trình thí nghiệm bột khoáng chất dùng cho bê tông nhựa đường	1984	
173.	TCVN8735:2012	Đá xây dựng công trình thủy lợi – Phương pháp xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	2012	
174.	TCVN 12884-2:2026	Các chỉ tiêu bột khoáng trong bê tông nhựa	2026	
175.	TCVN 4197:2012	Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm.	2012	
176.	TCVN 8826:2024	Phụ gia hóa học cho bê tông	2024	
177.	TCVN 4509:2020	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo – Xác định các tính chất ứng suất – giãn dài khi kéo	2020	
178.	TCVN 1595-1:2013	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo – Xác định độ cứng ấn lõm – Phần 1: Phương pháp sử dụng thiết bị đo độ cứng	2013	
179.	TCVN 4866:2013	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo – Xác định khối lượng riêng	2013	
180.	TCVN 9409-3:2014	Vật liệu chống thấm – Tấm CPE – Phương pháp thử – Phần 3: Xác định tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70 °C.	2014	
181.	TCVN 9407:2014	Vật liệu chống thấm – Băng chặn nước PVC.	2014	
182.	TCVN 10335:2014	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông	2014	
183.	TCVN 2053:1993	Dây thép mạ kẽm thông dụng	1993	
184.	TCVN 4392:1986	Mạ kim loại – Các phương pháp kiểm tra	1986	
185.	TCVN 2053:1993	Dây thép mạ kẽm thông dụng	1993	
186.	TCVN 4392:1986	Mạ kim loại – Các phương pháp kiểm tra	1986	
187.	TCVN 2053:1993	Các chỉ tiêu Dây thép mạ kẽm thông dụng	1993	
188.	TCVN 6145:2007	Phương pháp xác định kích thước	2007	
189.	TCVN 7434-1:2020	Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác định tính chất kéo – Phần 1: Phương pháp thử chung	2020	
190.	ISO 9969	Ống nhựa nhiệt dẻo – Xác	2016	

		định độ cứng vòng		
191.	TCVN 12306:2018	Ống nhựa nhiệt dẻo có thành kết cấu – Phép thử bằng tủ sấy	2018	
192.	TCVN 12307:2018	Hệ thống ống bằng chất dẻo – Phương pháp thử độ bền kéo của tổ hợp ống/ống hoặc ống/phụ tùng bằng chất dẻo	2018	
193.	TCVN 11322:2018	Công trình thủy lợi – Màng chống thấm HDPE		
194.	TCVN 9159:2022.	Công trình thủy lợi – Khớp nối biến dạng – Yêu cầu thi công và nghiệm thu	2012	
195.	TCVN 6355-1:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 1: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan.	2009	
196.	TCVN 6355-2:2009	*Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 2: Xác định cường độ nén.*	2009	
197.	TCVN 6355-3:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 3: Xác định cường độ uốn.	2009	
198.	TCVN 6355-5:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 5: Xác định khối lượng thể tích.	2009	
199.	TCVN 6355-6:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 6: Xác định độ rỗng.	2009	
200.	TCVN 6355-7:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 7: Xác định vết tróc do vôi.	2009	
201.	TCVN 6355-8:2009	Gạch xây – Phương pháp thử – Phần 8: Xác định sự thoát muối.	2009	
202.	TCVN 6065:1995	Thực hành các chỉ tiêu cơ lý Gạch xi măng lát nền.	1995	
203.	TCVN 6074:1995	Thực hành các chỉ tiêu cơ lý Gạch lát granito	1995	
204.	TCVN 9403:2012	Gia cố nền đất yếu – Phương pháp trụ đất xi măng.	2012	
II	**Danh mục tiêu chuẩn nước ngoài**			*Bản gốc và bản định*
205.	BS EN 196-6:2018	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	2019	
206.	AASHTO T131-2023	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích cơ lý xi măng	2023	
207.	ASTM C151/C151M-23	Xác định độ nở autoclave cơ lý xi măng	2023	
208.	ASTM C452/C452M-26	Xác định độ nở sunfat cơ lý xi măng	2026	

209.	ASTM C143/C143M-26	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	2026	
210.	EN 12350-2:2019	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	2019	
211.	ASTM C642-2021	Phương pháp thử tiêu chuẩn xác định khối lượng thể tích, độ hút nước và độ rỗng của bê tông đã đóng rắn	2021	
212.	BS EN 12390-7:2019	Xác định khối lượng riêng hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2019	
213.	ASTM C39/C39M-26	Xác định giới hạn bền nén hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2026	
214.	BS EN 12390-3:2019	Xác định giới hạn bền nén hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2019	
215.	BS EN 12390-8:2019	Xác định chiều sâu thấm nước áp lực hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	2019	
216.	AASHTO T 27-26	phân tích thành phần hạt của cốt liệu nhỏ và cốt liệu lớn	2026	
217.	EN 933-1 - 2012	phân tích thành phần hạt của cốt liệu nhỏ và cốt liệu lớn	2012	
218.	ASTM C29/C29M - 2023	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	2023	
219.	EN 1097 -3- 1998	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hổng	1998	
220.	ASTM C566 -2025	Xác định tổng hàm lượng ẩm bay hơi của cốt liệu bằng phương pháp sấy khô	2025	
221.	AASHTO T 255-25	Xác định tổng hàm lượng ẩm bay hơi của cốt liệu bằng phương pháp sấy khô	2025	
222.	AASHTO T 112-23	Xác định hàm lượng sét cục và các hạt mềm yếu trong cốt liệu	2023	
223.	AASHTO T96 - 2022	Xác định độ hao mòn của cốt liệu lớn cỡ hạt nhỏ do mài mòn và va đập trong máy los angeles)	2022	
224.	ASTM D4791 - 19(2023)	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	2023	
225.	ASTM C289-07	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic của cốt liệu	2007	
226.	JIS A 1146:2017	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic của cốt liệu	2017	
227.	JIS A 1145:2022	Xác định khả năng phản ứng kiềm – silic của cốt liệu	2022	

228.	ASTM C123 -2023	Xác định hàm lượng hạt nhẹ trong cốt liệu	2023	
229.	ASTM D2419-2022	Xác định hệ số đương lượng cát ES	2022	
230.	ASTM A370-26	Thử nghiệm cơ tính của các sản phẩm thép	2026	
231.	ASTM E709-21	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	2021	
232.	ASTM E190 - 2021	thử uốn có dẫn hướng để đánh giá độ dẻo của mối hàn)	2021	
233.	AASHTO T59	Phương pháp thử tiêu chuẩn nhũ tương nhựa đường	2025	
234.	ASTM D244	thử và thực hành tiêu chuẩn cho nhũ tương nhựa đường)	2023	
235.	ASTM D2216-19	Xác định độ ẩm	2019	
236.	ASTM D 3774	Xác định chiều rộng vải địa	2024	
237.	ASTM D 5261 - 2018	xác định khối lượng trên một đơn vị diện tích của vải địa kỹ thuật)	2018	
238.	ASTM D 3776 - 2020	xác định khối lượng trên một đơn vị diện tích của vải địa kỹ thuật)	2020	
239.	ASTM D1634-17	Xác định cường độ nén của xi măng đất(mẫu lập phương)	2017	
240.	ASTM D1635/D1635M-19	xác định cường độ chịu kéo khi uốn của đất gia cố xi măng	2019	
241.	ASTM C140/C140M-26a	BÊ TÔNG- Lấy mẫu- Kích thước-Cường độ chịu nén- Độ hút nước Khối lượng thể tích- Độ ẩm Tải trọng uốn	2026	
242.	ASTM D4945-26	Phương pháp thử tiêu chuẩn xác định sức chịu tải của cọc bằng phương pháp thử động biến dạng lớn	2026	
243.	ASTM D1196/D1196M-24	Phương pháp thử tiêu chuẩn xác định sức chịu tải của đất bằng thử nghiệm tải trọng tĩnh đối với móng nông	1994	
244.	ASTM D3966/D3966M-25	Phương pháp thí nghiệm cọc và móng sâu chịu tải trọng ngang.	2025	
245.	ASTM D3966/D3966M-25	Phương pháp thí nghiệm móng sâu chịu tải trọng ngang.	2025	
246.	ASTM D4541 - 22	Phương pháp thử tiêu chuẩn xác định độ bền kéo đứt của lớp phủ bằng thiết bị kiểm tra độ bám dính kéo đứt cầm tay.	2022	

247.	ASTM D412 -16(2021)	Cao su lưu hóa và cao su nhiệt dẻo – Phương pháp thử kéo.	2016	
248.	ASTM D2240 - 15(2021)	Cao su – Phương pháp xác định độ cứng bằng thiết bị đo độ cứng Durometer.	2021	
249.	ASTM D471 - 16a(2021)	Cao su – Phương pháp thử xác định ảnh hưởng của chất lỏng	2021	
250.	ASTM D412-16R21	Cao su lưu hóa và cao su nhiệt dẻo – Phương pháp thử kéo	2021	
251.	ASTM A 975	Xác định chiều dày lớp phủ polymer trên dây thép mạ kim loại.	2024	
252.	ASTM D792 -20	Xác định khối lượng riêng và tỷ trọng tương đối của nhựa bằng phương pháp chiếm chỗ	2020	
253.	ASTM D1203-23	Xác định lượng chất bay hơi mất đi từ vật liệu nhựa bằng phương pháp than hoạt tính	2023	
254.	ASTM D4437	Thực hành tiêu chuẩn kiểm tra không phá hủy nhằm xác định tính toàn vẹn của đường hàn liên kết các tấm màng địa kỹ thuật polymer dẻo	2023	
255.	ASTM D2444-25	Thực hành xác định khả năng chịu va đập của ống và phụ kiện nhựa nhiệt dẻo bằng phương pháp búa rơi.	2025	
256.	ASTM D1633-96	Gia cố đất nền yếu – Phương pháp trụ đất xi măng.So sánh hai tiêu chuẩn:	1996	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNMẠI THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRUNG NGHĨA

Giám Đốc

M.S.D.N: 0313954413 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRUNG NGHĨA
Q. TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Đình Cường